

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 09 năm 2021

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 65

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1, được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 997/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2438/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước được đăng ký lại lần thứ nhất của Tổng Công ty số 4106000303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/9/2006.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp theo quyết định số 614/QĐ-BXD ngày 10/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 03/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0300402493 ngày 01/10/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300402493 thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021 là 1.270.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên Hệ thống giao dịch UpCOM với mã chứng khoán là FIC.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà	Đỗ Thị Hiếu	Chủ tịch (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Ông Tô Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm Chủ tịch và Thành viên từ ngày 22/4/2021)
Ông	Cao Trường Thọ	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Phạm Việt Thắng	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Đặng Minh Thừa	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Hồ Đình Thuận	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2021)
Ông	Võ Thành Nhân	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2021)

Ban Kiểm soát

Ông	Đào Quang Sơn	Trưởng ban (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Phạm Việt Thắng	Trưởng ban (Miễn nhiệm Trưởng ban và Thành viên từ ngày 22/4/2021)
Bà	Trần Linh Chi	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Lê Văn Huy	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Hồ Bảo Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2021)

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Trường Thọ	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 15/5/2021)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 15/5/2021)
Ông Phạm Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/5/2021)
Ông Hồ Đình Thuần	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 15/01/2021)
Ông Lã Thái Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/5/2021)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số 8.1 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

4:01
ÔNG
TNI
EM
A VI
THA

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



C: Lê Trung Thọ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

379
TY
H
OÀI
TNA
101

Số: 146/2021/BCSXHN -CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần được lập ngày 24/9/2021 từ trang 06 đến trang 65, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Vũ Ngọc An****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2021

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.195.273.180.226	1.419.413.685.421
(100 = 110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	114.149.237.871	282.576.886.376
1. Tiền	111		95.022.237.871	258.149.886.376
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.127.000.000	24.427.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.427.575.701	58.247.575.701
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	11.427.575.701	11.427.575.701
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	30.000.000.000	46.820.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		372.508.985.392	382.527.860.086
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	289.581.117.684	342.460.718.248
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	10.197.076.092	10.383.611.211
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	163.929.665.783	119.673.144.283
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(93.290.392.248)	(92.081.131.737)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.8	2.091.518.081	2.091.518.081
IV. Hàng tồn kho	140	5.9	635.361.905.289	677.948.384.846
1. Hàng tồn kho	141		656.499.669.631	698.222.523.051
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.137.764.342)	(20.274.138.205)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.825.475.973	18.112.978.412
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	22.708.447.293	5.150.050.873
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.161.404.541	12.492.782.752
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.21	955.624.139	470.144.787



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		1.658.276.840.660	1.686.272.552.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.588.201.412	32.320.866.935
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	32.588.201.412	32.320.866.935
II. Tài sản cố định	220		349.126.851.062	375.422.474.139
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	294.957.258.143	321.466.147.120
- Nguyên giá	222		1.041.609.997.106	1.044.092.931.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(746.652.738.963)	(722.626.784.548)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.12	2.370.561.292	1.080.396.348
- Nguyên giá	225		3.142.770.927	1.589.222.027
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(772.209.635)	(508.825.679)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	51.799.031.627	52.875.930.671
- Nguyên giá	228		70.128.550.318	70.128.550.318
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.329.518.691)	(17.252.619.647)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.14	15.950.456.725	16.773.219.223
1. Nguyên giá	231		31.597.726.547	31.597.726.547
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.647.269.822)	(14.824.507.324)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.15	17.699.241.555	13.153.331.419
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.699.241.555	13.153.331.419
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.128.736.026.313	1.135.753.331.086
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.16	1.043.957.211.936	1.051.891.175.431
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.16	79.948.921.807	80.003.502.704
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.16	(3.350.107.430)	(4.321.347.049)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.3	8.180.000.000	8.180.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		114.176.063.593	112.849.329.640
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	67.798.889.356	64.947.127.802
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.17	1.599.029.040	-
3. Lợi thế thương mại	269	5.18	44.778.145.197	47.902.201.838
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.853.550.020.886	3.105.686.237.863

D.N.
 CÔ
 T
 KIẾ
 SPA
 HỒ

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND (Trình bày lại)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.249.205.432.460	1.606.174.493.478
I. Nợ ngắn hạn	310		1.179.957.342.758	1.529.330.060.512
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.19	176.011.902.574	286.845.520.236
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.20	108.775.536.693	133.801.642.730
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.21	33.672.833.430	29.724.847.111
4. Phải trả người lao động	314		20.271.729.574	25.690.899.704
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.22	18.654.547.089	16.369.637.154
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.23	225.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.24	47.662.396.421	12.779.526.845
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.25	755.161.748.096	1.008.460.702.851
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.26	3.000.000.000	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.521.648.881	15.657.283.881
II. Nợ dài hạn	330		69.248.089.702	76.844.432.966
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.24	62.579.874.267	62.472.930.633
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.25	1.315.181.745	932.642.857
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.17	-	8.393.016.125
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.26	5.353.033.690	5.045.843.351
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		1.604.344.588.426	1.499.511.744.385
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.27	1.604.344.588.426	1.499.511.744.385
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		22.161.000.000	-
3. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(221.360.374.488)	(221.360.374.488)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.620.203.451	22.465.690.203
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		520.255.444.475	422.741.958.799
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		418.114.394.671	365.784.855.491
- LNST chưa phân phối kì này	421b		102.141.049.804	56.957.103.308
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		668.314.988	5.664.469.870
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.853.550.020.886	3.105.686.237.863

107
GT
HT
TO
IETI
INC

Người lập



Nguyễn Thị Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Kế toán trưởng



Phạm Việt Thắng

Trưởng Giám đốc



Cao Trường Thu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/6/2021	tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	873.701.824.977	1.467.959.277.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	23.918.021.047	4.960.042.547
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		849.783.803.930	1.462.999.235.223
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	706.415.399.307	1.347.632.375.720
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		143.368.404.623	115.366.859.503
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	8.476.781.442	4.943.601.244
7. Chi phí tài chính	22	6.5	23.659.034.357	49.844.425.269
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.559.591.623	48.741.964.346
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	6.6	71.627.132.696	71.128.517.236
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	28.751.336.541	44.803.196.028
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	53.515.142.092	62.994.875.940
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		117.546.805.771	33.796.480.746
12. Thu nhập khác	31	6.9	23.617.325.435	21.673.145.165
13. Chi phí khác	32	6.9	22.527.308.976	21.380.950.676
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.9	1.090.016.459	292.194.489
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		118.636.822.230	34.088.675.235
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	10.308.278.465	10.754.047.856
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.12	174.224.865	14.480.514.777
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		108.154.318.900	8.854.112.602
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		102.141.049.804	6.725.063.140
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.013.269.096	2.129.049.462
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.13	804	53

Người lập



Nguyễn Thị Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021
Kế toán trưởng Công Giám đốc





Phạm Việt Thắng

Cao Trường Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/6/2021	tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		118.636.822.230	34.088.675.235
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		28.653.926.620	32.640.466.033
- Các khoản dự phòng	03		4.408.837.368	6.463.304.435
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.430.227)	(21.901.812)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.085.645.828)	(2.569.830.919)
- Chi phí lãi vay	06		23.559.591.623	48.741.964.347
- Các khoản điều chỉnh khác	07		8.304.056.641	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		175.473.158.427	119.342.677.319
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.719.510.278	(73.114.265.394)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		41.722.853.420	121.556.547.773
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(110.815.360.992)	120.315.822.396
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(20.410.157.974)	(7.957.452.077)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23.959.072.235)	(40.711.126.371)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.542.263.213)	(8.803.416.845)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.392.758.766)	(4.121.096.501)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		60.795.908.945	226.507.690.300
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.031.848.900)	(9.010.869.652)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.101.336.364	3.309.421.818
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		-	(18.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.820.000.000	209.000.000
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		68.639.778	52.959.470
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.931.559.633	8.569.250.298
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		24.889.686.875	(14.870.238.066)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		1.214.991.317.127	1.173.041.479.786
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.468.757.094.106)	(1.347.512.513.069)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(336.438.888)	(728.673.639)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.458.685)	(8.910.792.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(254.117.674.552)	(184.110.498.922)



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 03a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày	tháng kết thúc ngày
			30/6/2021	30/6/2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(168.432.078.732)	27.526.953.312
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	282.576.886.376	155.130.659.282
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.430.227	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	114.149.237.871	182.657.612.594

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Ngân

Kế toán trưởng

Phạm Việt Thắng

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Cao Trường Thụ

...D.N
C
T
KIẾ
CPA
YOH.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1, được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 997/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-Công ty con theo Quyết định số 2438/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước được đăng ký lại lần thứ nhất của Tổng Công ty số 4106000303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/9/2006.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp theo quyết định số 614/QĐ-BXD ngày 10/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 03/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0300402493 ngày 01/10/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300402493 thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021 là 1.270.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên Hệ thống giao dịch UpCOM với mã chứng khoán là FIC.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2021 là 1.004 người (tại ngày 31/12/2020 là 1.061 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản);
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe (Sản xuất phụ tùng, thiết bị xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phụ vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Kinh doanh, xuất nhập khẩu phụ tùng, thiết bị, xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng);

0101
NG T
VHH
I TOA
IETN
NỘI

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Kinh doanh, xuất nhập khẩu xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng);
- Khai khoáng khác (Khai thác và chế biến khoáng chất, nguyên liệu và chất phụ gia phục vụ ngành xây dựng);
- Xây dựng nhà các loại (Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Thiết kế xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị);
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng; Tư vấn đầu tư sản xuất nguyên liệu, vật liệu xây dựng; Đo đạc bản đồ);
- Hoạt động tư vấn quản lý ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nguyên liệu, vật liệu xây dựng);
- Giáo dục nghề nghiệp (Tổ chức đào tạo nhân lực);
- Kinh doanh bến cảng, cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Kinh doanh khách sạn – không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Nhà hàng-Không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động của các cơ sở thể thao (Hoạt động câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ);
- Sản xuất khác (Sản xuất vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng – không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất máy chuyên dụng khác (Sản xuất xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng – Không sản xuất tại trụ sở);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Xử lý nền móng và hạ tầng, nền đất yếu);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan (Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, diesel nhiên liệu, dầu nhiên liệu).

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các Công ty con trong kỳ: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, Kinh doanh bất động sản.

1.2 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.3 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021 của Tổng Công ty giảm. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

1.4 Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30/6/2021, Tổng Công ty có các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con					
1	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các thương hiệu sản phẩm FiCO	100,00%	100,00%
2	Công ty CP Phước Hòa FiCO	Km50 - QL51 - phường Tân Phước - thị xã Phú Mỹ - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Sản xuất kinh doanh đá xây dựng	73,87%	73,87%
3	Công ty CP Cơ khí Xây dựng Tân Định FiCO	Đường 2B, KCN Đồng An, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	Gia công cơ khí; buôn bán vật liệu	64,24%	64,24%
4	Công ty CP gạch men Thanh Thanh	KCN Biên Hòa 1, Đường 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh gạch	51,44%	51,44%
5	Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	Xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh cát	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật liệu xây dựng	100,00%	100,00%
7	Công ty CP Gạch Đông Nam Á	Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, Khu phố 9, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh gạch	51,00%	51,00%

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.5 Cấu trúc Tổng Công ty (Tiếp theo)

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty liên kết					
1	Công ty CP xi măng FiCO Tây Ninh	Tầng 26, E. Town Central, 11 Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất xi măng	25,84%	25,84%
2	Công ty CP Hóa An	Áp Cầu Hang, Xã Hóa An, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai	Khai thác và chế biến khoáng sản, VLXD	24,86%	24,86%
3	Công ty CP Vitaly	Đường N1, Khu SXTT Bình Chuẩn, P. Bình Chuẩn, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh nhà ở	30,75%	30,75%
4	Công ty CP Havali – FiCO	Số 65, đường số 3, Cư xá Chu Văn An, phường 26, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất thủy tinh, sản phẩm từ thủy tinh	20,00%	20,00%
5	Công ty TNHH Xây dựng FiCO -Corea	Tầng 6 Tòa Nhà Green Country, số 1, đường 81, phường Tân Quy, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật xử lý nền đất yếu	49,50%	49,50%
6	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	Số 01 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	29,00%	29,00%
7	Công ty CP Khoáng sản FiCO Bình Phước	Số 408 đường Nguyễn Huệ, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	30,00%	30,00%
8	Công ty CP FiCO Công nghệ Cao	Số 45 Hoa Mai, phường 2, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất gạch, bê tông thương phẩm	45,00%	45,00%
9	Công ty CP Bê tông FiCO Pan - United	Số 60 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất bê tông thương phẩm	45,00%	45,00%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/6/2021 gồm:

Stt	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Xí nghiệp khai thác đá Thống Nhất	Áp 3, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
2	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP – Chi nhánh FiCO Hà Nội	Số 56, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
3	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Công ty Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Tầng 15, Tòa nhà Sailing Tower – 111A Pasteur, Quận 1, TP.HCM
4	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Chi nhánh FiCO Đồng Nai	Số 5, đường 16 A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, phường An Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
5	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Chi nhánh FiCO Bình Dương	Lô F, đường số 2B, KCN Đồng An, TX Thuận An, tỉnh Bình Dương

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

010
NG T
VHF
TOA
ETN
VQ1

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý Công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Quyết toán cổ phần hóa

Tổng Công ty đã thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để hoàn tất và trình Hồ sơ quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần cho Bộ Xây dựng. Đến ngày phát hành báo cáo này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được quyết định phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của các ngân hàng Tổng Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2021.
- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng Tổng Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2013. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-25
Máy móc thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Các tài sản khác	08-20

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán và khoan thăm dò trữ lượng mỏ đá được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2013. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính và khoan thăm dò trữ lượng mỏ đá được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 02 năm đến 20 năm.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính (Tiếp theo)

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

Các tài sản đi thuê tài chính là phương tiện vận tải truyền dẫn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty (04 năm).

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư của Công ty mẹ đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2013. Theo đó, nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty mẹ được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao từ 02 năm đến 27 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Tổng Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 137/FICO-HD ngày 27/11/2020 với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Nam Trường An (bên liên doanh) về việc hoạt động kinh doanh (không thành lập pháp nhân mới) khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá Sông Trầu tại Ấp 3, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Tài sản góp vốn là quyền khai thác mỏ đá Sông Trầu và tài sản cố định. Phân chia lợi nhuận cố định hàng năm với số tiền là 450.000.000 VND/năm. Việc quản lý, tổ chức kế toán và nghĩa vụ tài chính được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Nam Trường An.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm lập Báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được bù trừ với Tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm lập Báo cáo.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước, thuê sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả tiền hàng năm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản thể hiện khoản tiền đã nộp theo thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và giấy phép khai thác khoáng sản. Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí mở hiện trường khai thác

Chi phí mở hiện trường khai thác thể hiện khoản chi phí ban đầu để mở cửa mỏ khai thác khoáng sản. Chi phí mở hiện trường khai thác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian khai thác khoáng sản.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (36 năm).

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 01 năm đến 02 năm

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay: Trích trước theo lãi suất vay trên hợp đồng vay và thời gian vay thực tế.
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản: Trích trước theo trữ lượng khai thác và đơn giá tính phí cấp quyền khai thác khoáng sản.
- Chi phí phải trả khác: Trích trước theo khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm: Chi phí phục hồi môi trường tại khu vực mỏ đá, chi phí san lấp mặt bằng hồ nước khu vực mỏ cát và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và khoản doanh thu chưa thực hiện khác như lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản và thời gian hợp tác kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và giá gốc khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng, các sản phẩm khác, doanh thu cho thuê bất động sản và doanh thu khác.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm:

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm vật liệu xây dựng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

1913
Y
AN
IAM
1-VIE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ, bất động sản đầu tư trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh sản phẩm vật liệu xây dựng và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

D.N
C.C
T
KIẾ
T
P.A
H

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	3.368.848.689	2.229.000.832
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	91.653.389.182	255.920.885.544
Tương đương tiền (i)	19.127.000.000	24.427.000.000
Tổng	114.149.237.871	282.576.886.376

(i) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 4,75%/năm đến 5,2%/năm.

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vitaly	11.427.575.701	11.427.575.701	-	11.427.575.701	9.174.643.386	-
Tổng	11.427.575.701	11.427.575.701	-	11.427.575.701	9.174.643.386	-

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vitaly đang giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là VTA trên sàn UPCoM. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa của ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm ngày 30/6/2021 do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	30.000.000.000	30.000.000.000	46.820.000.000	46.820.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	30.000.000.000	30.000.000.000	46.820.000.000	46.820.000.000
b) Dài hạn	8.180.000.000	8.180.000.000	8.180.000.000	8.180.000.000
Trái phiếu (ii)	8.180.000.000	8.180.000.000	8.180.000.000	8.180.000.000
Tổng	38.180.000.000	38.180.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất áp dụng từ 5,1%/năm đến 5,5%/năm. Đồng thời, toàn bộ số dư tiền gửi có kỳ hạn được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty.

(ii) Trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 24/9/2019; số lượng: 5.000 trái phiếu; mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu; giá mua: 1.000.000 VND/trái phiếu; kỳ hạn: 7 năm; lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với kỳ hạn 10 năm từ ngày 26/9/2019; lãi suất thả nổi.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.4 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>30/6/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Công ty Cổ Phần Vitaly	8.083.352.951	38.231.986.629
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Sản Xuất Xây Dựng Đông Mê Kông (QL20)	14.248.147.377	14.248.147.377
Công ty TNHH Xây Lắp Thương Mại Hoàng Dũng	15.862.179.158	15.862.179.158
Công ty TNHH Xây Dựng và Khảo Sát Công Trình Thanh Tuấn	4.615.868.076	16.224.813.153
Công ty TNHH Công nghiệp Kính NSG VN	20.877.974.040	17.019.618.000
Công ty TNHH Kính Nội Siêu Trắng Phú Mỹ	13.458.664.490	5.581.216.355
Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Cường Phát	18.895.723.300	14.733.432.754
Phải thu khách hàng khác	193.539.208.292	220.559.324.822
Tổng	<u>289.581.117.684</u>	<u>342.460.718.248</u>
Trong đó		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)	8.401.331.721	38.378.787.909

5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>30/6/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Công Ty TNHH MTV TM DV Vật Liệu Thiết Bị Quảng Đông	1.856.862.840	
Các đối tượng khác	8.340.213.252	10.383.611.211
Tổng	<u>10.197.076.092</u>	<u>10.383.611.211</u>
Trong đó		
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)	27.976.650	27.976.650

3179
Y
T
IN
4M
-VIET

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6 Phải thu khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	163.929.665.783	12.715.529.097	119.673.144.283	21.021.821.742
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	732.487.651	-	972.991.783	-
Tạm ứng	4.950.914.617	-	5.152.028.120	96.000.000
Ký quỹ, ký cược	9.499.083.832	-	22.065.346.630	-
Phải thu Công ty CP Vitaly (vốn điều lệ)	20.579.214.440	-	20.579.214.440	-
Phải thu khác Công ty Cổ phần Vitaly	4.852.757.195	-	4.852.757.195	-
Phải thu khác Công ty Cổ phần Trường An	1.846.506.273	1.846.506.273	1.846.506.273	1.846.506.273
Phải thu tiền lãi Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	7.923.054.795	-	7.923.054.795	-
Phải thu khác Công ty Cổ phần Havalı FiCO	5.462.296.435	5.462.296.435	5.462.296.435	5.462.296.435
Phải thu tiền hỗ trợ kinh phí đền bù Dự án khu phố 4,5,6 P.Đ Q.I Công ty Cổ phần BT20 - Cửu Long	8.210.292.645	-	8.210.292.645	8.210.292.645
Phải thu cổ tức Công ty Cổ phần Xi Măng FiCO Tây Ninh	64.987.851.500	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư FiCO	12.959.209.693	-	12.959.209.693	-
Thuế tài nguyên, phí môi trường đá xô bồ	4.427.724.218	-	4.306.877.740	-
Phải thu khác	12.379.384.489	287.838.389	20.223.680.534	287.838.389
b) Dài hạn	32.588.201.412	-	32.320.866.935	-
Ký cược, ký quỹ	9.652.800.467	-	9.299.765.990	-
Phải thu Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	22.935.400.945	-	22.935.400.945	-
Phải thu khác	-	-	85.700.000	-
Tổng	196.517.867.195	12.715.529.097	151.994.011.218	21.021.821.742
Trong đó				
Phải thu khác là các bên liên quan	126.761.772.058	5.462.296.435	62.055.557.724	5.462.296.435

(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

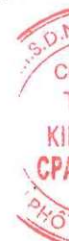
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 Nợ xấu

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	118.865.436.664	25.575.044.416	119.598.500.765	27.517.369.028
Công ty TNHH Xây Lấp Thương Mại Hoàng Dũng	15.862.179.158	-	15.862.179.158	-
Công ty Cổ phần Havali FiCO	5.184.348.069	-	5.184.348.069	-
Phải thu tiền hỗ trợ kinh phí đền bù Dự án khu phố 4,5,6 P.Đ Q.I	5.118.888.000	-	5.118.888.000	-
Công ty TNHH MTV Xây Dựng 472	1.471.136.751	-	1.471.136.751	-
Công ty TNHH Thanh Cao	1.239.144.321	-	1.239.144.321	-
Công ty Cổ phần Hà Tiên Phong	1.594.435.202	-	1.594.435.202	-
Chi nhánh Công ty TNHH Tâm Lan	1.682.214.996	-	1.682.214.996	-
CN Công ty Cổ phần Hạ Tầng Thiên Ân	2.225.822.262	-	2.225.822.262	-
Công ty Cổ phần BT20 - Cửu Long	8.210.292.645	-	8.210.292.645	-
Các đối tượng khác	76.276.975.260	25.575.044.416	77.010.039.361	27.517.369.028
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	93.290.392.248		92.081.131.737	



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 Nợ xấu (Tiếp theo)

Trong đó:

	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm VND	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm VND	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm VND	Quá hạn trên 3 năm VND
Công ty TNHH Xây Lắp Thương Mại Hoàng Dũng	-	-	-	15.862.179.158
Công ty Cổ phần Havali FiCO	-	-	-	5.184.348.069
Phải thu tiền hỗ trợ kinh phí đền bù Dự án khu phố 4,5,6 P. TĐ Q.I	-	-	-	5.118.888.000
Công ty TNHH MTV Xây Dựng 472	-	-	-	1.471.136.751
Công ty TNHH Thanh Cao	-	-	-	1.239.144.321
Công ty Cổ phần Hà Tiên Phong	-	-	-	1.594.435.202
Chi nhánh Công ty TNHH Tâm Lan	-	-	-	1.682.214.996
CN Công ty Cổ phần Hạ Tầng Thiên Ân	-	-	-	2.225.822.262
Công ty Cổ phần BT20 - Cửu Long	-	-	-	8.210.292.645
Các đối tượng khác	5.057.000	2.522.087.458	7.619.299.634	66.130.531.168
Tổng	5.057.000	2.522.087.458	7.619.299.634	108.718.992.572

5.8 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tài sản thiếu sau kiểm kê Nhà máy rượu SP		2.090.384.122		2.090.384.122
Tài sản khác		1.133.959		1.133.959
Tổng		2.091.518.081		2.091.518.081

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 Hàng tồn kho

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi đường	186.000.000	-	36.250.010.684	-
Nguyên vật liệu	84.593.418.608	(1.618.103.217)	75.706.861.692	(1.731.684.689)
Công cụ dụng cụ	12.672.678.895	(1.047.247.610)	15.650.306.364	(1.120.759.924)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	224.841.951.880	-	224.549.396.351	-
Thành phẩm	211.120.587.359	(18.442.704.761)	205.899.463.755	(14.121.084.887)
Hàng hóa	103.122.469.489	(29.708.754)	120.136.821.564	(3.300.608.705)
Hàng hóa bất động sản	19.962.563.400	-	19.962.563.400	-
Hàng gửi đi bán	-	-	67.099.241	-
Tổng	656.499.669.631	(21.137.764.342)	698.222.523.051	(20.274.138.205)

(i) Chi tiết phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án Tân Vạn - Nhơn Trạch (BOT) (1)	2.352.954.098	-	2.352.954.098	-
Dự án FiCO Star (2)	218.247.516.511	-	218.170.747.367	-
Dự án khác	4.241.481.271	-	4.025.694.886	-
Tổng	224.841.951.880	-	224.549.396.351	-

(1) Thông tin liên quan đến dự án đầu tư tại ngày 30/6/2021:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng đoạn đường Tân Vạn - Nhơn Trạch giai đoạn 1 thuộc đường Vàng đai 3, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chủ đầu tư: Bộ Giao thông Vận tải;
- Đại diện chủ đầu tư: Tổng Công ty Đầu tư Phát triển và Quản lý Dự án Hạ tầng Giao thông Cửu Long (Tổng Công ty Cửu Long); Hình thức: Liên doanh theo hình thức hợp đồng BOT;
- Tổng mức đầu tư: 5.329,56 tỷ VND;
- Thời gian thực hiện dự án dự kiến: từ năm 2016 đến năm 2019;
- Tiến độ thực hiện của dự án: Các bên liên doanh nhất trí thỏa thuận cho Tổng công ty VLXD số 1 - CTCP đại diện liên doanh để thực hiện. Đại diện chủ đầu tư đã trình hồ sơ lên Thủ tướng Chính Phủ.

(2) Thông tin liên quan đến dự án đầu tư tại ngày 30/6/2021:

- Tên dự án: Nhà ở chung cư kết hợp thương mại - dịch vụ, trường mầm non và nhà liên kế có sân vườn tại khu đất số 2/34 đường Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Vật liệu xây dựng Số 1- Công ty Cổ phần (FICO);
- Tổng mức đầu tư: 744,2 tỷ VND;
- Thời gian thực hiện dự án dự kiến: 3 năm (kể từ thời điểm được chấp nhận đầu tư, năm 2016);
- Tiến độ thực hiện của dự án: Dự án đã bước vào giai đoạn đầu tư xây dựng, hoàn thành hạng mục cơ sở hạ tầng, ký kết, thực hiện Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất nền Khu liên kế, thu nhận tiền đặt cọc của khách hàng.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.10 Chi phí trả trước

	<u>30/6/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	22.708.447.293	5.150.050.873
Công cụ dụng cụ	6.175.110.767	2.194.806.390
Tiền thuê đất, thuê sử dụng đất	1.768.762.938	-
Chi phí bê tông đầm lăn	401.917.020	401.917.020
Cấp quyền khai thác khoáng sản	9.445.358.390	600.000.000
Chi phí khác	4.917.298.178	1.953.327.463
b) Dài hạn	67.798.889.356	64.947.127.802
Chi phí thuê VP Sailing Tower	45.783.531.991	46.717.889.785
Chi phí công cụ dụng cụ	10.806.760.039	7.935.698.047
Chi phí sửa chữa	492.396.776	1.362.323.959
Chi phí chờ phân bổ	-	77.902.568
Chi phí thuê đất	5.514.782.497	7.353.043.333
Chi phí mở hiện trường khai thác	3.162.174.884	-
Chi phí khác	2.039.243.169	1.500.270.110
Tổng	<u>90.507.336.649</u>	<u>70.097.178.675</u>



TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.11 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dung cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	273.119.775.868	709.379.322.049	57.465.205.862	4.128.627.889	1.044.092.931.668
Tăng trong kỳ	132.438.182	556.300.000	-	-	688.738.182
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	132.438.182	-	-	-	132.438.182
Giảm trong kỳ	-	2.782.412.244	318.410.000	70.850.500	3.171.672.744
Thanh lý nhượng bán	-	2.427.412.238	318.410.000	70.850.500	2.816.672.738
Giảm khác	-	355.000.006	-	-	355.000.006
Số dư tại ngày 30/6/2021	273.252.214.050	707.153.209.805	57.146.795.862	4.057.777.389	1.041.609.997.106

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại ngày 01/01/2021	96.261.281.748	578.322.810.003	45.159.718.790	2.882.974.007	722.626.784.548
Tăng trong kỳ	4.741.927.366	19.595.409.520	1.939.084.112	214.460.124	26.490.881.122
Khấu hao trong kỳ	4.741.927.366	19.595.409.520	1.939.084.112	214.460.124	26.490.881.122
Giảm trong kỳ	-	2.075.666.207	318.410.000	70.850.500	2.464.926.707
Thanh lý nhượng bán	-	2.075.666.201	318.410.000	70.850.500	2.464.926.701
Giảm khác	-	6	-	-	6
Số dư tại ngày 30/6/2021	101.003.209.114	595.842.553.316	46.780.392.902	3.026.583.631	746.652.738.963

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số dư tại ngày 01/01/2021	176.858.494.120	131.056.512.046	12.305.487.072	1.245.653.882	321.466.147.120
Số dư tại ngày 30/6/2021	172.249.004.936	111.310.656.489	10.366.402.960	1.031.193.758	294.957.258.143

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021 là 450.537.159.057 VND (tại ngày 31/12/2020 là 456.925.114.892 VND).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2021 là 187.338.598.297 VND (tại ngày 31/12/2020 là 221.014.265.463 VND).

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.12 Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.589.222.027	1.589.222.027
Tăng trong kỳ	1.553.548.900	1.553.548.900
Thuê tài chính trong kỳ	1.553.548.900	1.553.548.900
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	<u>3.142.770.927</u>	<u>3.142.770.927</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	508.825.679	508.825.679
Tăng trong kỳ	263.383.956	263.383.956
Khấu hao trong kỳ	263.383.956	263.383.956
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	<u>772.209.635</u>	<u>772.209.635</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2021	<u>1.080.396.348</u>	<u>1.080.396.348</u>
Số dư tại ngày 30/6/2021	<u>2.370.561.292</u>	<u>2.370.561.292</u>

IN: C
CÔNG
TNH
EM T
VIET
AN C

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.13 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	53.027.637.548	301.413.093	16.799.499.677	70.128.550.318
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	53.027.637.548	301.413.093	16.799.499.677	70.128.550.318
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	15.783.775.036	192.693.093	1.276.151.518	17.252.619.647
Tăng trong kỳ	644.389.584	20.385.000	412.124.460	1.076.899.044
Khấu hao trong kỳ	644.389.584	20.385.000	412.124.460	1.076.899.044
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	16.428.164.620	213.078.093	1.688.275.978	18.329.518.691
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại ngày 01/01/2021	37.243.862.512	108.720.000	15.523.348.159	52.875.930.671
Số dư tại ngày 30/6/2021	36.599.472.928	88.335.000	15.111.223.699	51.799.031.627

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 493.630.924 VND (tại ngày 31/12/2020 là 493.630.924 VND).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2021 là 1.161.159.091 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.218.411.439 VND).

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê	01/01/2021 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Giảm trong kỳ (VND)	30/6/2021 (VND)
Nguyên giá	31.597.726.547	-	-	31.597.726.547
Sàn Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hảo Hớn	5.546.280.685	-	-	5.546.280.685
Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô	1.748.530.392	-	-	1.748.530.392
Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô	1.067.851.400	-	-	1.067.851.400
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô	10.832.417.430	-	-	10.832.417.430
Khu văn phòng thương mại dịch vụ Chung cư Horizon	3.247.061.227	-	-	3.247.061.227
Nhà máy Cán Kéo	6.424.310.413	-	-	6.424.310.413
Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo	2.731.275.000	-	-	2.731.275.000
Giá trị hao mòn lũy kế	14.824.507.324	822.762.498	-	15.647.269.822
Sàn Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hảo Hớn	1.663.884.216	277.314.036	-	1.941.198.252
Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô	702.493.168	37.688.580	-	740.181.748
Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô	431.549.543	23.197.458	-	454.747.001
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô	4.750.119.313	216.648.348	-	4.966.767.661
Khu văn phòng thương mại dịch vụ Chung cư Horizon	1.102.320.508	64.822.830	-	1.167.143.338
Nhà máy Cán Kéo	5.311.632.648	167.153.418	-	5.478.786.066
Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo	862.507.928	35.937.828	-	898.445.756
Giá trị còn lại	16.773.219.223	-	822.762.498	15.950.456.725
Sàn Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hảo Hớn	3.882.396.469	-	277.314.036	3.605.082.433
Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô	1.046.037.224	-	37.688.580	1.008.348.644
Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô	636.301.857	-	23.197.458	613.104.399
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô	6.082.298.117	-	216.648.348	5.865.649.769
Khu văn phòng thương mại dịch vụ Chung cư Horizon	2.144.740.719	-	64.822.830	2.079.917.889
Nhà máy Cán Kéo	1.112.677.765	-	167.153.418	945.524.347
Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo	1.868.767.072	-	35.937.828	1.832.829.244



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty là nhà văn phòng và một số công trình khác tại số 17 Hồ Hảo Hớn, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; số 348 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh; số 214 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và Lô F, đường số 2B, KCN Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ lần lượt là 2.571.862.854 VND và 545.448.462 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2021 cần được trình bày. Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2021 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 1.018.983.726 VND (tại ngày 31/12/2020: 1.018.983.726 VND).

5.15 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Mua sắm TSCĐ	-	240.312.000
Chi phí dự án nhà máy Silica	2.862.569.765	2.256.452.421
Chi phí đầu tư mở rộng mỏ đá - Phước Hòa	9.420.524.875	6.075.179.854
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	5.416.146.915	4.581.387.144
Tổng	17.699.241.555	13.153.331.419

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Đối tượng đầu tư	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
			Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Gạch Sài Gòn	10,0%	10,0%	1.041.450.787	-	1.041.450.787	-
Công ty Cổ phần Bao Bì và Khoáng sản số 1	5,6%	5,6%	2.300.016.674	-	2.300.016.674	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	4,0%	4,0%	4.096.610.711	-	4.096.610.711	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản FICO Tây Ninh	0,0%	0,0%	2.444	1.977.308.587	3.093.151.670	1.977.308.587
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	16,1%	16,1%	7.298.882.365	-	7.298.882.365	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	8,9%	8,9%	31.468.476.417	-	31.468.476.417	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu Xây dựng FICO (BMT)	4,6%	4,6%	3.030.000.000	1.372.798.843	3.030.000.000	2.344.038.462
Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco	3,3%	3,3%	102.000.000	-	102.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gạch men Thừa Thiên Huế	15,0%	15,0%	900.000.000	-	900.000.000	-
Công ty Cổ phần FICO Công nghệ Cao	13,2%	13,2%	26.325.000.000	-	26.325.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư FICO						
Tổng			79.948.921.807	3.350.107.430	80.003.502.704	4.321.347.049

(i) Tại ngày Báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.599.029.040	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	9.580.440.368	12.496.226.567
Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(624.811.328)	(2.915.786.200)
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(7.356.600.000)	(9.580.440.367)
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	8.393.016.125
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	7.807.186.463	17.973.456.492
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(450.586.463)	-
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(7.356.600.000)	(9.580.440.367)

5.18 Lợi thế thương mại

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	62.481.132.834	62.481.132.834
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	1.268.633.495	1.268.633.495
Tổng	63.749.766.329	63.749.766.329
Đã phân bổ vào chi phí các năm trước	15.847.564.490	9.599.451.207
Đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	3.124.056.642	6.248.113.284
Lợi thế thương mại còn phân bổ	44.778.145.197	47.902.201.838



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.19 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH SX- TM Bao Bì Phương Nam	-	-	6.200.442.645	6.200.442.645
Công Ty Cổ Phần Thép Hòa Phát Dung Quất	-	-	39.802.085.730	39.802.085.730
Công ty CP Vitaly	5.297.800.750	5.297.800.750	24.565.028.205	24.565.028.205
Công ty cổ phần vật liệu và năng lượng FINE ENERGY	5.338.747.612	5.338.747.612	-	-
Công ty TNHH Vật Liệu Công Nghiệp Hoàng Phát	-	-	6.322.826.942	6.322.826.942
Công ty TNHH Thương Mại Than Ngọc Cường Phát	-	-	3.063.551.340	3.063.551.340
Công ty Cổ phần Đầu Tu Toàn An	-	-	12.423.684.700	12.423.684.700
Các đối tượng khác	165.375.354.212	165.375.354.212	194.467.900.674	194.467.900.674
Tổng	176.011.902.574	176.011.902.574	286.845.520.236	286.845.520.236
Trong đó				
Phải trả người bán là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)</i>	6.550.156.294	6.550.156.294	25.587.328.957	25.587.328.957

5.20 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH KD và dịch vụ Sông Ngọc	97.234.945.500	97.234.945.500
Các đối tượng khác	11.540.591.193	36.566.697.230
Tổng	108.775.536.693	133.801.642.730

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.21 Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
Phải nộp	29.724.847.111	99.220.732.483	95.272.746.164	33.672.833.430
Thuế GTGT	6.314.864.520	33.164.098.640	32.492.412.440	6.986.550.720
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.923.922.447	10.368.834.869	7.542.263.213	7.750.494.103
Thuế thu nhập cá nhân	815.631.304	2.685.872.585	3.305.436.007	196.067.882
Thuế tài nguyên	5.297.254.152	22.877.244.575	23.289.598.433	4.884.900.294
Thuế bảo vệ môi trường	1.011.208.920	7.304.384.341	7.649.830.067	665.763.194
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.675.821.564	4.066.615.786	7.131.218.878	611.218.472
Các khoản phí và lệ phí	-	295.691.763	45.926.401	249.765.362
Các khoản khác	7.686.144.204	18.457.989.924	13.816.060.725	12.328.073.403
Phải thu	470.144.787	120.294.360	605.773.712	955.624.139
Thuế xuất, nhập khẩu	29.921.249	120.294.360	123.388.224	33.015.113
nộp thừa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	310.321.766	310.321.766
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	951.072	-	169.063.722	170.014.794
Các khoản khác phải thu nhà nước	439.272.466	-	3.000.000	442.272.466

0107
GT
HH
TOÁ
ETN
NỘI

5.22 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Lãi vay phải trả	9.155.329.859	9.516.178.375
Hỗ trợ, chiết khấu bán hàng	5.241.588.767	-
Chi phí phải trả khác	4.257.628.463	6.853.458.779
Tổng	18.654.547.089	16.369.637.154

5.23 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Doanh thu nhận trước	225.000.000	-
Tổng	225.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.24 Phải trả khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	47.662.396.421	12.779.526.845
Kinh phí công đoàn	854.884.084	756.464.519
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	495.030.484	74.223.568
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.102.269.141	9.701.399.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.154.762	29.613.447
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	165.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.196.057.950	2.052.826.311
b) Dài hạn	62.579.874.267	62.472.930.633
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.529.289.335	7.422.345.701
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	55.050.584.932	55.050.584.932
Tổng	110.242.270.688	75.252.457.478
Trong đó		
Phải trả khác là các bên liên quan	55.050.584.932	55.050.584.932

(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)



TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
 phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.25 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2021 (VND)		Phát sinh trong kỳ (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a2) Nợ dài hạn đến hạn trả	19.640.118.915	19.640.118.915	635.572.224	11.390.250.000	30.394.796.691	30.394.796.691
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn (9)	10.203.296.691	10.203.296.691	-	-	10.203.296.691	10.203.296.691
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương (7)	8.174.000.000	8.174.000.000	101.500.000	10.101.500.000	18.174.000.000	18.174.000.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế CHAILEASE (10)	702.822.224	702.822.224	534.072.224	168.750.000	337.500.000	337.500.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu (11)	560.000.000	560.000.000	-	1.120.000.000	1.680.000.000	1.680.000.000
b) Vay dài hạn	1.315.181.745	1.315.181.745	1.185.800.000	803.261.112	932.642.857	932.642.857
b1) Vay dài hạn ngân hàng	1.315.181.745	1.315.181.745	1.185.800.000	803.261.112	932.642.857	932.642.857
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương (7)	391.500.000	391.500.000	-	101.500.000	493.000.000	493.000.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế CHAILEASE (10)	923.681.745	923.681.745	1.185.800.000	701.761.112	439.642.857	439.642.857
Tổng	756.476.929.841	756.476.929.841	1.216.177.117.127	1.469.093.532.994	1.009.393.345.708	1.009.393.345.708

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.25 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng: 11/2020/77158/HĐTD ngày 30/11/2020
Hạn mức tín dụng: 820.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C và bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Thời hạn cấp hạn mức: Thời hạn cấp hạn mức vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức;
Lãi suất vay: Theo từng hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ;

Hình thức đảm bảo:

Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 49/2013/77158 ngày 30/08/2013 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 49/2013/77158-PL1 ngày 24/3/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2015/77158/HĐTC ngày 02/11/2015 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 52/2015/77158/HĐTC-PL1 ngày 24/3/2017; Hợp đồng thế chấp số 01/2020/77158/HĐBĐ ngày 18/5/2020; Hợp đồng thế chấp số 03/2020/77158/HĐBĐ ngày 18/5/2020 và hợp đồng thế chấp số 04/2020/77158/HĐBĐ ngày 18/5/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 370.663.274.289 VND.

(2) Vay Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng: 181013 ngày 11/06/2018;
Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/08/2021 Thời hạn vay theo từng khế ước không vượt quá 150 ngày kể từ ngày giải ngân;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Hình thức đảm bảo: Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 6.172.971.839 VND.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:

Số hợp đồng: 392/2020/HDHM-DVTV/CMB/01 ngày 29/10/2020;
Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng (bao gồm thép cuộn) và than;
Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng tính từ ngày hợp đồng này nhưng không vượt quá thời hạn của Hợp đồng tín dụng Công ty mẹ;
Lãi suất vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
Hình thức đảm bảo: Không áp dụng biện pháp đảm bảo tiền vay (tín chấp);
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 64.900.000.000 VND.

010,
NG T
VHH
1 TO,
VIETN
1 NỘ

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.25 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(4) Vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 5 theo các hợp đồng tín dụng sau:

(4.1) Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202000561 ngày 21/9/2020 với các thông tin như sau:

Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động bù đắp chi phí tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh và phát hành cam kết bảo lãnh;
Thời hạn cấp hạn mức: Tính từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 21/9/2021;
Lãi suất vay: Theo từng giấy nhận nợ;
Hình thức đảm bảo: Các hợp đồng cầm cố tài sản ký kết với Ngân hàng, trong đó bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 30.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 5,1%/năm đến 5,5%/năm.
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 52.441.498.536 VND;

(4.2) Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-20200612 ngày 25/9/2020 với các thông tin chi tiết như sau:

Số hợp đồng: 6222-LAV-20200612 ngày 25/9/2020;
Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và phát hành cam kết bảo lãnh;
Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 25/09/2021. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ theo từng Giấy nhận nợ cụ thể;
Lãi suất vay: Lãi suất biến đổi, lãi suất cho vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mức lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 6,8%/năm (năm 365 ngày);
Hình thức đảm bảo: Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 2.232.407.694 VND.

(5) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201300172/HĐTĐ ngày 18/4/2013 với các thông tin sau:

Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Hình thức đảm bảo: Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 2.100.000 VND.

(6) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh 5 Tp. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202100290 ngày 26/4/2021 với các thông tin sau:

Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, mở các cam kết bảo lãnh, mở LC,...;
Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 26/4/2022;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Hình thức đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-201900228 ngày 23/4/2019;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 37.663.392.847 VND.



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.25 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(7) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Bình Dương theo các hợp đồng sau:

(7.1) *Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 59/2019/HDTD/TTKHDNL MN2/01 ngày 06/12/2019, Văn bản sửa đổi bổ sung số 59/2019/HDTD/TTKHDNL MN2/01/SDBS/03 ngày 07/12/2020 với các thông tin sau:*

Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Thời hạn cấp hạn mức: Từ 06/12/2019 đến ngày 31/01/2021. Thời hạn tối đa cho từng khế ước là không quá 06 tháng;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Hình thức đảm bảo: Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 28.800.000.000 VND.

(7.2) *Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 021A20/HM-QLN ngày 26/8/2020 với các thông tin sau:*

Hạn mức tín dụng: 140.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Thời hạn cấp hạn mức: Thời hạn vay 01 năm kể từ ngày giải ngân;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Hình thức đảm bảo:

- Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất số 155TT15 ngày 22/6/2015;
- Thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 189TT14 ký ngày 03/10/2014;
- Thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 003TT19-QLN ký ngày 11/04/2019;
- Thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị dây chuyền 1 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 154TC15 ký ngày 22/06/2015;
- Thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị dây chuyền 2 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 190TC14 ký ngày 03/10/2014;
- Thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị dây chuyền 3 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 126TC17 ký ngày 11/07/2017;
- Thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 125TC17 ký ngày 11/07/2017;
- Thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 210TC18 ký ngày 24/04/2018;
- Thế chấp xe ô tô Ford Everrest Titanium biển số 61A-673.09 theo hợp đồng thế chấp số 014TC19-QLN ngày 01/10/2019;
- Thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 890929, số vào sổ cấp GCN CS 13562 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/11/2019;

Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 139.995.299.256 VND.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.25 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(7.3) *Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 013C15/BBD ngày 16/7/2015 với các thông tin sau:*

Hạn mức tín dụng: 74.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Thanh toán chi phí thực hiện dự án dây chuyền sản xuất gạch men số 3;
Thời hạn cấp hạn mức: 72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên;
Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trung dài hạn được điều chỉnh từng thời kỳ;
Hình thức đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Dây chuyền gạch men số 3: Quyền sử dụng đất diện tích 69.564 m² và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai trị giá 35.000.000.000 VND; Dây chuyền sản xuất gạch men số 3 công suất thiết kế 5,6 triệu m²/năm, xe máy chuyên dung, hệ thống điện tổng trị giá 80.000.000.000 VND;

Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 8.000.000.000 VND.
Trong đó số dư nợ dài hạn đến hạn trả là: 8.000.000.000 VND.

(7.4) *Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 020C19/BBD-QLN ngày 25/9/2019 với các thông tin sau:*

Số tiền vay: 870.000.000 VND;
Mục đích vay: Thanh toán chi phí mua xe ô tô con 7 chỗ Ford Everest (61A-673.09);
Thời hạn cấp hạn mức: 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên;
Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trung dài hạn được điều chỉnh từng thời kỳ;
Hình thức đảm bảo: Thế chấp xe ô tô Ford Everest Titanium biển số 61A-673.09 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 014TC19-QLN ngày 01/10/2019;

Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 565.500.000 VND.
Trong đó số dư nợ dài hạn đến hạn trả là: 174.000.000 VND.

(8) Vay các đối tượng khác theo các hợp đồng sau:

(8.1) *Vay Công ty TNHH TM - XD Hải Phong theo biên bản thỏa thuận vay tiền ngày 27/5/2015 và hợp đồng vay tiền ngày 09/3/2018 với các thông tin sau:*

Số tiền vay: 14.400.000.000 VND;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
Thời hạn vay: 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày ký biên bản thỏa thuận;
Lãi suất vay: 7,5%/năm và lãi suất theo đúng lãi suất ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Quận 12;

Hình thức đảm bảo: Vay tín chấp;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 12.700.000.000 VND.

(8.2) *Vay Công ty Cổ phần Thế giới G7 theo hợp đồng vay tiền ngày 10/5/2018 với các thông tin sau:*

Số tiền vay: 19.950.684.720 VND;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
Thời hạn vay: 01 năm kể từ ngày 10/05/2018
Lãi suất vay: Theo lãi suất Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Thủ Đức;

Hình thức đảm bảo: Vay tín chấp;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 19.950.684.720 VND.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.25 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(9) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200100086 ngày 28/5/2001 với các thông tin sau:

Hạn mức tín dụng: 55.965.000.000 VND;
Mục đích vay: Xây dựng nhà máy sản xuất phụ kiện vệ sinh;
Thời hạn cấp hạn mức: 65 tháng;
Lãi suất vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
Hình thức đảm bảo: Đảm bảo bằng nguồn tài sản hình thành từ vốn vay gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 751009; Thửa đất tại khu Công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 8.400 m²;

Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 10.203.396.691 VND.

(10) Nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease theo các hợp đồng sau:

(10.1) Hợp đồng cho thuê tài chính số B190817903 ngày 16/8/2019 với các thông tin sau:

Tài sản thuê: Xe nâng Komatsu 3.0 tấn và xe nâng Komatsu 4.0 tấn (nguyên giá: 286.000.000 VND và 352.000.000 VND);
Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Thời hạn thuê: 42 tháng kể từ ngày đầu tiên Công ty cho thuê chuyển khoản;
Số tiền thuê: 478.500.000 VND (bao gồm 10% thuế GTGT và 65% tổng giá trị tài sản);
Lãi suất cho thuê: 11%/năm;
Số dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 30/6/2021: 217.499.997 VND.

(10.2) Hợp đồng cho thuê tài chính số B190819003 ngày 13/9/2019 với các thông tin sau:

Tài sản thuê: Máy đào bánh xích;
Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Thời hạn thuê: 42 tháng kể từ ngày đầu tiên Công ty cho thuê chuyển khoản;
Số tiền thuê: 820.875.000 VND (bao gồm 10% thuế GTGT và 65% tổng giá trị tài sản);
Lãi suất cho thuê: 11%/năm;
Số dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 30/6/2021: 390.892.855 VND.

(10.3) Hợp đồng cho thuê tài chính số B210352903 ngày 01/4/2021 với các thông tin sau:

Tài sản thuê: Xe nâng Forklift (nguyên giá: 1.540.000.000 VND);
Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Thời hạn thuê: 42 tháng kể từ ngày đầu tiên Công ty cho thuê chuyển khoản Công ty;
Số tiền thuê: 1.185.800.000 VND (bao gồm 10% thuế GTGT và 70% giá trị tài sản);
Lãi suất cho thuê: 10,7%/năm;
Số dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 30/6/2021: 1.018.111.112 VND.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.25 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (11) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu theo hợp đồng số 16TT-TM021/HĐTD ngày 30/9/2016 và các phụ lục hợp đồng số 16TT-TM021/PL02 ngày 31/8/2017, 16TT-TM021/PL04 ngày 01/3/2018 với các thông tin sau:

Hạn mức tín dụng:	15.835.000.000 VND;
Mục đích vay:	Bổ sung vốn thực hiện "Dự án đầu tư trạm nghiền đá xây dựng tại mỏ đá Ông Trịnh, Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
Thời hạn cấp hạn mức:	60 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu tiên;
Lãi suất vay:	9,5%/năm và được áp dụng cho 3 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất được điều chỉnh theo lãi suất thực tế;
Hình thức đảm bảo:	Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 15TT-TM030/HĐTC01 ngày 19/11/2015 và số 15TT-TM030/HĐTC2 ngày 19/11/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 16TT-TM021/HĐĐTC1 ngày 23/9/2017;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021:	560.000.000 VND.

5.26 Dự phòng phải trả

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND (Trình bày lại)
a) Ngắn hạn	3.000.000.000	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.000.000.000	-
a) Dài hạn	5.353.033.690	5.045.843.351
Chi phí phục hồi môi trường tại khu vực mỏ cát, đá	3.580.783.692	3.273.593.353
Chi phí san lấp mặt bằng hồ nước khu vực mỏ cát	1.772.249.998	1.772.249.998
Tổng	8.353.033.690	5.045.843.351

9179
TY
+
ÁN
iAM
- VIE

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.27 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.270.000.000.000	-	(221.360.374.488)	19.526.405.695	368.012.226.960	9.040.358.875	1.445.218.617.042
Tăng trong năm	-	-	-	2.939.284.508	98.552.108.275	6.353.985.833	107.845.378.616
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	56.957.103.308	6.353.985.833	63.311.089.141
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.939.284.508	-	-	2.939.284.508
Điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	41.595.004.967	-	41.595.004.967
Giảm trong năm	-	-	-	-	43.822.376.436	9.729.874.837	53.552.251.273
Chia cổ tức	-	-	-	-	31.750.000.000	6.678.780.595	38.428.780.595
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	2.939.284.508	-	2.939.284.508
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	7.912.967.176	2.453.090.806	10.366.057.982
Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	1.220.124.752	597.629.216	1.817.753.968
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	374.220	374.220
Số dư tại 31/12/2020	1.270.000.000.000	-	(221.360.374.488)	22.465.690.203	422.741.958.799	5.664.469.871	1.499.511.744.385
Số dư tại 01/01/2021	1.270.000.000.000	-	(221.360.374.488)	22.465.690.203	422.741.958.799	5.664.469.871	1.499.511.744.385
Tăng trong kỳ	-	22.161.000.000	-	2.430.371.341	136.471.004.148	6.013.269.096	167.075.644.585
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	102.141.049.804	6.013.269.096	108.154.318.900
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	2.430.371.341	-	-	2.430.371.341
Tăng khác (ii)	-	22.161.000.000	-	-	-	-	22.161.000.000
Điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	34.329.954.344	-	34.329.954.344
Giảm trong kỳ	-	-	-	12.275.858.092	38.957.518.472	11.009.423.979	62.242.800.543
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	8.246.580.595	8.246.580.595
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	2.430.371.341	-	2.430.371.341
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	3.153.566.000	2.026.434.000	5.180.000.000
Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS (i)	-	-	-	-	1.327.439.223	736.409.384	2.063.848.607
Giảm khác (ii)	-	-	-	12.275.858.092	32.046.141.908	-	44.322.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2021	1.270.000.000.000	22.161.000.000	(221.360.374.488)	12.620.203.451	520.255.444.475	668.314.988	1.604.344.588.426



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.27 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

- (i) Công ty mẹ phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021 của Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021, Công ty mẹ trích lập quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là 1.269.372.907 VND. Đại hội Đồng Cổ đông của Công ty mẹ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị căn cứ vào tình hình thực tế quyết định mức trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Đến ngày phát hành báo cáo này, Hội đồng Quản trị chưa quyết định mức trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh và Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO phân phối lợi nhuận năm 2020 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- (ii) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2021/NQ.ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (từ 30.000.000.000 VND thành 60.000.000.000 VND) từ nguồn quỹ đầu tư phát triển là 16.618.191.542 VND và lợi nhuận giữ lại là 13.381.808.458 VND. Giá trị cổ phiếu phát hành theo theo tỷ lệ 1/1 (mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới). Theo đó, phần vốn điều lệ tăng thêm trong kỳ của Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO (30.000.000.000 VND) được điều chỉnh tăng vốn khác của chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO là 22.161.000.000 VND.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	509.001.000.000	509.001.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	508.000.000.000	508.000.000.000
Các cổ đông khác	252.999.000.000	252.999.000.000
Tổng	1.270.000.000.000	1.270.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn góp đầu kỳ	1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	11.232.011.405
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.430.371.341	1.162.667.313
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.153.566.000	4.359.732.792
Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS	1.327.439.223	1.220.124.753

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.27 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	127.000.000	127.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	127.000.000	127.000.000
Cổ phiếu phổ thông	127.000.000	127.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.000.000	127.000.000
Cổ phiếu phổ thông	127.000.000	127.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	841.919.137.802	1.443.905.698.738
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.572.215.565	23.731.609.771
Doanh thu khác	210.471.610	321.969.261
Tổng	873.701.824.977	1.467.959.277.770
Trong đó		
Doanh thu với các bên liên quan	1.310.621.354	18.895.176.515

(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chiết khấu thương mại	22.547.453.000	4.529.223.719
Giảm giá hàng bán	668.297.049	349.387.946
Hàng bán bị trả lại	702.270.998	81.430.882
Tổng	23.918.021.047	4.960.042.547

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.3 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	672.840.913.512	1.327.025.869.716
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.644.512.773	17.125.343.184
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	929.973.022	3.481.162.820
Tổng	706.415.399.307	1.347.632.375.720

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.331.841.983	947.855.069
Lãi bán các khoản đầu tư	3.759.117.103	102.171.236
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.600.096.415	1.567.352.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	451.843.142	1.348.717.741
Lãi chậm thanh toán, chiết khấu thanh toán	319.801.976	879.512.451
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.080.823	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	97.992.747
Tổng	8.476.781.442	4.943.601.244

6.5 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	23.559.591.623	48.741.964.347
Chiết khấu thanh toán, lãi chậm thanh toán	955.006.600	213.726
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	106.025.157	281.874.492
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(971.239.619)	773.173.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.650.596	47.198.880
Tổng	23.659.034.357	49.844.425.269

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.6 Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết

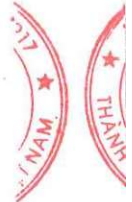
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi Măng FiCO Tây Ninh	60.150.977.050	61.136.999.223
Công ty Cổ phần Hoá An	9.810.079.101	10.615.451.628
Công ty Cổ phần Vitaly	3.929.555	1.367.877.105
Công ty TNHH Xây dựng FiCO - Corea	(757.101.723)	-
Công ty Cổ phần Bê tông FiCO Pan - United	2.349.641.813	(1.991.810.720)
Công ty Cổ phần Bao Bì và Khoáng sản số 1	69.606.900	-
Tổng	71.627.132.696	71.128.517.236

6.7 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.166.618.277	14.341.654.410
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	946.793.185	698.559.752
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	38.985.853	48.269.911
Chi phí khấu hao TSCĐ	557.639.352	469.325.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.604.524.927	24.789.730.570
Chi phí bằng tiền khác	3.436.774.947	4.455.655.563
Tổng	28.751.336.541	44.803.196.028

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	30.936.910.106	31.900.668.036
Chi phí vật liệu quản lý	675.652.210	513.037.136
Chi phí đồ dùng văn phòng	522.273.841	718.521.173
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.188.449.904	3.600.490.418
Thuế phí và lệ phí	379.996.504	827.211.238
Chi phí dự phòng	64.725.341	3.124.056.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.298.869.243	11.708.667.316
Chi phí bằng tiền khác	5.324.208.301	8.652.107.524
Phân bổ lợi thế thương mại	3.124.056.642	1.950.116.457
Tổng	53.515.142.092	62.994.875.940



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.9 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	503.900.861	1.095.314.640
Thu nhập từ bán xăng, dầu, điện và dịch vụ khoan bản mìn	19.355.178.648	17.433.200.830
Thu nhập từ cung cấp dịch vụ cho thuê nhà xưởng	3.043.114.202	-
Các khoản khác	715.131.724	3.144.629.695
Tổng	23.617.325.435	21.673.145.165
Trong đó:		
Thu nhập khác là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)</i>	60.565.995	-
<i>Chi phí khác</i>		
Chi phí từ bán xăng, dầu, điện và dịch vụ khoan bản mìn	18.792.141.564	17.458.700.834
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	109.310.534	664.557.968
Các khoản bị phạt, đền bù	1.513.538.812	1.328.394.882
Các khoản khác	2.112.318.066	1.929.296.992
Tổng	22.527.308.976	21.380.950.676
Lợi nhuận khác	1.090.016.459	292.194.489

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	285.201.143.047	268.561.071.319
Chi phí nhân công	94.172.163.636	99.479.597.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.653.926.620	29.354.625.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.663.446.537	85.414.520.437
Chi phí khác bằng tiền	32.131.291.510	21.927.217.007
Tổng	565.821.971.350	504.737.032.249

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh tại các Công ty		
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	3.951.915.444	4.467.813.375
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	3.784.971.428	3.081.387.261
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	2.510.591.892	2.305.605.507
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Sản phẩm FiCO	60.799.701	899.241.713
Tổng	10.308.278.465	10.754.047.856

6.12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chênh lệch dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cuối kỳ và đầu kỳ khi hợp nhất	(2.252.932.315)	-
Phần lãi trong công ty liên kết khi hợp nhất	-	71.128.517.236
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	3.124.056.642	3.124.056.642
Tổng	871.124.327	74.252.573.878
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	174.224.865	14.480.514.777

6.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	102.141.049.804	6.725.063.140
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	102.141.049.804	6.725.063.140
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	127.000.000	127.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	804	53

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 có thể được phân bổ cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban Điều hành. Nếu loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban Điều hành cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
	tháng kết thúc ngày	tháng kết thúc ngày
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Nhận tài sản thuê tài chính (Xe nâng, hiệu CHL)	1.185.800.000	-
Tổng	1.185.800.000	-

8. THÔNG TIN KHÁC

8.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày 09/7/2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Tổng Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự kiện trên và sự kiện Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã có Nghị quyết về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Bình Phước tại Thuyết minh số 5.15 - Đầu tư tài chính dài hạn, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021.

8.2 Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
		tháng kết thúc ngày 30/6/2021	tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Bà Đỗ Thị Hiếu	Chủ tịch HĐQT	357.550.000	331.500.000
Ông Tô Dũng	Nguyên Chủ tịch HĐQT	279.400.000	438.000.000
Ông Cao Trường Thụ	Thành viên HĐQT	16.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên HĐQT	16.000.000	-
Ông Đặng Minh Thừa	Thành viên HĐQT	24.750.000	-
Ông Hồ Đình Thuận	Nguyên thành viên HĐQT	4.000.000	48.000.000
Ông Võ Thành Nhân	Nguyên thành viên HĐQT	211.550.000	331.500.000
Tổng		957.250.000	1.197.000.000

**TÔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

8.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao của Thành viên Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
		tháng kết thúc ngày 30/6/2021	tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Đào Quang Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát	49.520.000	30.000.000
Ông Phạm Việt Thắng	Nguyên Trưởng Ban Kiểm soát	32.000.000	48.000.000
Bà Trần Linh Chi	Thành viên Ban Kiểm soát	10.000.000	-
Ông Lê Văn Huy	Thành viên Ban Kiểm soát	10.000.000	-
Ông Hồ Bảo Hùng	Nguyên thành viên Ban Kiểm soát	-	30.000.000
Tổng		101.520.000	108.000.000

Tiền lương và các khoản lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
		tháng kết thúc ngày 30/6/2021	tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Cao Trường Thụ	Tổng Giám đốc	282.083.400	-
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Nguyên Tổng Giám đốc	333.916.600	262.500.000
Ông Nguyễn Quang Trung	Nguyên Tổng Giám đốc	-	150.897.700
Ông Phạm Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng	274.050.000	283.500.000
Ông Hồ Đình Thuận	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	54.250.000	325.500.000
Ông Lã Thái Hiệp	Nguyên Phó Tổng Giám đốc Nguyên Kế toán trưởng	182.916.700	262.500.000
Tổng		1.127.216.700	1.284.897.700



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

8.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giao dịch mua			74.772.561.570	2.428.312.500
Công ty Cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh	Công ty liên kết	Mua xe ô tô	-	2.428.312.500
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Mua vật liệu	74.772.561.570	-
Giao dịch bán			1.310.621.354	18.895.176.515
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Bán vật liệu	-	17.322.760.661
Công ty Cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh	Công ty liên kết	Bán vật liệu	155.615.900	417.410.400
Công ty Cổ phần Đầu tư FICO	Đầu tư khác	Cho thuê mặt bằng	1.155.005.454	1.155.005.454
Giao dịch khác			78.863.622.910	80.064.477.599
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	Đầu tư khác	Cổ tức được chia	226.500.000	302.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng Fico	Đầu tư khác	Cổ tức được chia	320.876.415	321.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	64.987.851.500	71.144.791.599
Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Tây Ninh	Đầu tư khác	Cổ tức được chia	1.950.000.000	780.000.000
Công ty Cổ phần Hóa An	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	11.275.029.000	7.516.686.000
Công ty Cổ phần Bao bì Khoáng sản Số 01	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	42.800.000	-
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Thu nhập từ hỗ trợ bù gạch bể vỡ	60.565.995	-



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

8.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất số dư</u>	30/6/2021 VND	01/01/2021 (Trình bày lại) VND
<u>Phải thu khách hàng</u>			8.401.331.721	38.378.787.909
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Tiền bán hàng	8.083.352.951	38.231.986.629
Công ty Cổ phần FiCO Công nghệ cao	Công ty liên kết	Tiền bán hàng	146.801.280	146.801.280
Công ty Cổ phần Xi măng FiCo Tây Ninh	Công ty liên kết	Phải thu tiền bán hàng hóa	171.177.490	-
<u>Trả trước cho người bán</u>			27.976.650	27.976.650
Công ty Cổ phần FiCO Công nghệ cao	Công ty liên kết	Mua hàng	27.976.650	27.976.650
<u>Phải thu khác</u>			126.761.772.058	62.055.557.724
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Vốn điều lệ	20.579.214.440	20.579.214.440
		Nợ trước cổ phần hóa	4.852.757.195	4.852.757.195
		Phải thu khác	-	3.688.800
Công ty Cổ phần Havali Fico	Công ty liên kết	Nợ trước cổ phần hóa	5.462.296.435	5.462.296.435
		Phải thu cho vay	-	277.948.366
Công ty Cổ phần FiCO Công nghệ cao	Công ty liên kết	Nợ trước cổ phần hóa	21.196.748	21.196.748
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	Công ty liên kết	Dự án FiCO Tower	22.935.400.945	22.935.400.945
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	Cổ đông lớn	Lãi cho vay	7.923.054.795	7.923.054.795
Công ty Cổ phần Xi Măng FiCO Tây Ninh	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức	64.987.851.500	-
<u>Phải trả người bán</u>			6.550.156.294	25.587.328.957
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết	Mua gạch	5.297.800.750	24.565.028.205
Công ty Cổ phần Bao Bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Mua vật tư	1.252.355.544	1.022.300.752
<u>Phải trả khác</u>			55.050.584.932	55.050.584.932
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	Công ty liên kết	Dự án FiCO Tower	55.050.584.932	55.050.584.932

101912
3 TY
HH
TOÁN
TNAM
101-VT

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

8.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, Tổng Công ty đã phân loại lại các số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 01/01/2021 cho phù hợp với số trình bày kỳ này, cụ thể:

Chỉ tiêu	MS	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Nợ ngắn hạn	310	1.531.763.583.884	1.529.330.060.512	(2.433.523.372)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	2.433.523.372	-	(2.433.523.372)
Nợ dài hạn	330	74.410.909.594	76.844.432.966	2.433.523.372
Dự phòng phải trả dài hạn	342	2.612.319.979	5.045.843.351	2.433.523.372

Người lập

Nguyễn Thị Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Kế toán trưởng

Phạm Việt Thắng

Tổng Giám đốc



Cao Trường Thụ